



Tái cơ cấu đầu tư

Một nội dung quan trọng hàng đầu của tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020

GS.TS. CHU VĂN CẬP

Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 được Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản VN thông qua đã ghi: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo bề rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô,

vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững”. Theo đó, phải thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế. Bài viết này góp phần phân tích vấn đề tái cơ cấu đầu tư - một nội dung quan trọng hàng đầu của tái cơ cấu nền kinh tế.

1. Cơ cấu đầu tư trong mô hình tăng trưởng của VN giai đoạn 2001-2010

Cơ cấu đầu tư của một nền kinh tế là cơ cấu các yếu tố cấu thành

đầu tư, như: cơ cấu về vốn, nguồn vốn, cơ cấu huy động và sử dụng vốn, quan hệ hữu cơ và tương tác qua lại giữa các bộ phận trong không gian và thời gian.

Mô hình tăng trưởng của VN, giai đoạn 2001-2010 vẫn mang tính truyền thống, dựa nhiều vào các yếu tố vốn, lao động trình độ thấp và giá rẻ, và khai thác tài nguyên. Để thực hiện mục tiêu tăng GDP, VN luôn luôn hướng đến giải pháp tăng cường đầu tư.

Tỷ lệ vốn đầu tư/GDP tăng lên khá mạnh: giai đoạn 2005-2010 luôn chiếm trên 40%. Đây là tỉ lệ quá cao so với nhiều nước khác trong khu vực (Hàn Quốc: 29,3%, Philippines: 19,6%, Indônêsi-a: 19,5%, Thái Lan: 27,8%, Malaysia: 22,5%). Thậm chí cao hơn cả Trung Quốc - nước có tỉ lệ vốn đầu tư/GDP cao nhất thế giới cũng chỉ khoảng 40%). Đóng góp của yếu tố vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2006-2010 chiếm tới 65%. Điều này cho thấy nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu theo bề rộng, ít dựa vào các yếu tố về chất lượng: công nghệ, chất xám, trình độ quản lý tiên tiến ...

Mô hình tăng trưởng dựa vào vốn đầu tư đã dẫn đến những hệ lụy:

Một là, lạm phát gia tăng và khó kiểm soát.

Giải pháp tăng đầu tư thường chứa đựng các yếu tố: bội chi ngân sách, tăng tín dụng, tăng

Bảng 1: Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP giai đoạn 2001-2010 theo cơ cấu nguồn vốn Đơn vị tính: %

	2001	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng	35,4	40,9	41,5	46,5	41,3	42,7	41,0
Vốn nhà nước	-	19,3	19,0	17,3	11,8	19,6	18,9
Vốn ngoài nhà nước	-	15,5	15,8	17,9	16,5	14,5	11,0
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	-	6,1	6,7	11,3	13,0	8,6	10,8

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bảng 2. Tiết kiệm, đầu tư và chênh lệch tiết kiệm - đầu tư 2005-2010 Đơn vị tính: %

	2005	2007	2010
- Tổng tiết kiệm	32,5	31,5	30,4
. Tổng mức đầu tư	34,5	41,0	40,3
. Chênh lệch giữa tiết kiệm - đầu tư	-2,0	-9,5	-9,1

cung tiền nếu hiệu quả đầu tư thấp và giảm. Hiệu quả đầu tư thấp vừa tác động đến yếu tố chi phí đây, vừa tác động đến cầu kéo và đi theo nó là yếu tố tiền tệ (đồng nội tệ giảm giá) ... Những yếu tố này trực tiếp tác động đến lạm phát. Từ năm 2004 đến nay, lạm phát luôn ở mức cao và dao động mạnh khó kiểm soát. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỉ lệ lạm phát năm 2005 là 8,4%, năm 2008: 19,89%, năm 2011 là trên 17% (Lưu ý rằng tỉ lệ lạm phát cao do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu, VN “nhập khẩu lạm phát” do giá cả nhiều mặt hàng trên thế giới tăng cao).

Cùng với sự gia tăng lạm phát còn gây ra hậu quả xấu đối với cán cân ngân sách nhà nước - mức và tỉ lệ bội chi ngân sách so với GDP luôn ở mức cao. Theo Báo cáo ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính, năm 2005 tỉ lệ bội chi ngân sách/GDP là 4,9%, năm 2006-2008 là 5%, năm 2009: 6,9% và năm 2010 là 6,2%.

Tỷ lệ lạm phát cao, dao động mạnh khó kiểm soát gây ra sự mất cân đối giữa tiết kiệm và đầu tư.

Hệ quả của vấn đề này là: Thâm hụt thương mại ngày càng tăng, tăng thêm các khoản nợ nước ngoài, chủ yếu là nợ chính phủ để bù đắp thâm hụt do đầu tư quá cao so với khả năng tích lũy

từ nội bộ (tỉ lệ dư nợ của Chính phủ so với GDP (%), năm 2007 là 33,8%, và năm 2010 là 44,6%; Về nợ công, tính đến 31-12-2010 là 56,7% GDP cao hơn Trung Quốc: 17,5%, Indonesia: 13,4%, Thái Lan: 48,9%, bằng mức của Malaysia (51,9%), Philippines (55,5%)¹

Hai là, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, thể hiện như sau:

(1) Vốn đầu tư chiếm tỉ trọng lớn trong GDP, nhưng sử dụng thiếu cân đối - đầu tư quá mức vào hình thành vốn vật chất: nhà máy, thiết bị, máy móc, nhà xưởng và các trang thiết bị được sử dụng như là những yếu tố đầu vào của sản xuất (dĩ nhiên đầu tư để hình thành vật chất sẽ làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh), chậm và thiếu đầu tư vào vốn con người và phát triển khoa học - công nghệ. Theo ông Nguyễn Văn Ngữ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục - Đào tạo, đầu tư cho giáo dục - đào tạo, năm 2000 là 15,0% tổng chi ngân sách, các năm 2007-2010 là 20%. Đầu tư hàng năm cho hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 2% tổng chi ngân sách nhà nước².

(2) Thêm vào đó, cơ cấu đầu tư thiếu hợp lý: khu vực nhà nước được đầu tư nhiều nhất chiếm

khoảng 40% tổng vốn đầu tư xã hội, đóng góp 34% GDP, chi sử dụng 9% lực lượng lao động xã hội, trong khi đó khu vực ngoài nhà nước đóng góp 47% GDP, sử dụng 80% lực lượng lao động xã hội, nhưng chỉ nhận được khoảng 32% tổng vốn đầu tư. Tương tự, cơ cấu vốn đầu tư cũng có sự sai lệch khi dành một lượng lớn vốn đầu tư vào công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, trong khi nước ta hiện có đến 70% dân cư sống ở khu vực nông thôn và ngành nông - lâm - thủy sản, năm 2010 đóng góp 20,3% GDP và chiếm 50% lực lượng lao động xã hội lại được đầu tư không tương xứng.

Đầu tư từ vốn nhà nước chiếm tỉ trọng lớn trong tổng lượng vốn đầu tư toàn xã hội, nhưng hiệu quả thấp, những điều đó làm cho nền kinh tế ngày càng “nóng”.

Hiệu quả đầu tư thể hiện qua hệ số ICOR (hệ số sinh lời từ đồng vốn đầu tư). ICOR càng cao đồng nghĩa với hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế càng thấp. Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2006-2010, hệ số ICOR của khu vực nhà nước vào khoảng 10,2%, của khu vực FDI: 9,7%, trong khi khu vực tư nhân chỉ là 5%. Điều này có nghĩa là ở khu vực nhà nước và khu vực FDI phải bỏ ra trên dưới 10 đồng vốn đầu tư mới thu được 1 đồng tăng trưởng. Đây là dấu hiệu rất rõ cho thấy hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế đang sụt giảm nghiêm trọng. So sánh ICOR của VN với các nước trong giai đoạn tăng trưởng mạnh thì ICOR của VN gần gấp đôi, có nghĩa, là hiệu suất đầu tư của nước ta chỉ bằng một nửa (Trung Quốc giai đoạn 1991-2003, hệ số

1. Theo <http://buttonword.economicst.com/content/gde>, ngày 19/12/2010.

2. GS.TS Nguyễn Kế Tuấn (CB, 2011): Kinh tế VN năm 2010: Nhìn lại mô hình tăng trưởng giai đoạn 2001-2010, Nxb ĐHKQTĐ, H.2011, tr.123.

ICOR là 4,1; Nhật Bản giai đoạn 1961-1970 là 3,2, Hàn Quốc giai đoạn 1981-1990: 3,2³.

Từ năm 2004 -2010 lạm phát luôn ở mức cao trùng với thời kỳ mà hệ số ICOR của nước ta ở mức khá cao. ICOR cao cũng có nghĩa là năng suất lao động thấp.

Hiệu quả đầu tư thấp là do nhiều nguyên nhân, từ công tác quy hoạch đến việc thực hiện quy hoạch và các dự án đầu tư, do tình trạng thất thoát, lãng phí, tham nhũng bởi cơ chế xin - cho, đầu tư khép kín ... có nguyên nhân từ đầu tư theo phong trào, đầu tư tự phát diễn ra ở nhiều địa phương ... gây tình trạng “chồng - chập”.

2. Tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

Để nền kinh tế tăng trưởng cao và có chất lượng, điều quan trọng hiện nay không phải là tập trung quá mức vào việc tăng lượng vốn đầu tư, mà quan trọng hơn là phải xác định đúng mục đích và đối tượng đầu tư để đảm bảo yêu cầu hiệu quả và tính bền vững của quá trình tăng trưởng kinh tế. Do đó, cần phải:

2.1. Chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo hướng:

Thứ nhất, chú trọng đầu tư vào ngành, lĩnh vực, địa bàn như sau:

- Khuyến khích đầu tư vào các công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp môi trường ... Hạn chế đầu tư vào các ngành công nghiệp khai thác tài nguyên, sử dụng nhiều đất đai, tiêu hao nhiều nguyên liệu,

năng lượng ... không chấp nhận các dự án đầu tư có công nghệ thấp và gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng vốn đầu tư cho nhóm ngành nông - lâm - thủy sản từ khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ; đầu tư phát triển sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực, có lợi thế cạnh tranh cao trên thị trường. Bởi nhóm ngành này có đóng góp đáng kể vào kim ngạch xuất khẩu, vào GDP của VN, và có lợi thế cạnh tranh.

- Đối với ngành dịch vụ, cần

Để nền kinh tế tăng trưởng cao và có chất lượng, điều quan trọng hiện nay không phải là tập trung quá mức vào việc tăng lượng vốn đầu tư.

tăng đầu tư vào các dịch vụ có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như: du lịch, hàng hải, hàng không, công nghệ thông tin, giáo dục, y tế chất lượng cao, đầu tư để hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch có tầm cỡ khu vực và quốc tế ...

- Về địa bàn đầu tư, cần tập trung vào vùng trọng điểm, “động lực” tạo điều kiện cho các vùng này phát triển, kéo toàn bộ nền kinh tế phát triển và tác động lan toả đến các vùng khác, đồng thời tăng cường đầu tư vào các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải

đảo, vùng sâu, vùng xa ... nhằm đảm bảo phát triển hài hoà, bền vững giữa các vùng.

Thứ hai, chuyển đổi cơ cấu đầu tư hướng vào nâng cao chất lượng các yếu tố nguồn lực phát triển, tạo lập củng cố cơ sở tăng trưởng dài hạn. Cụ thể là:

(1) Tăng cường đầu tư có trọng điểm cho việc phát triển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật.

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng giao thông: xây dựng hệ thống đường cao tốc nối liền các trung tâm kinh tế, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường bộ, hệ thống đường sắt Bắc - Nam, xây dựng hệ thống đường sắt đô thị ở các thành phố lớn (Hà Nội và TP.HCM), xây dựng một số cảng biển và cảng hàng không theo hướng hiện đại, cải tạo và nâng cấp hạ tầng đô thị, các khu công nghiệp ... Với sự đa dạng các hình thức và nguồn vốn đầu tư; xây dựng hệ thống danh mục đầu tư để kêu gọi các nhà đầu tư; ban hành và hoàn thiện chính sách khuyến khích tư nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật.

(2) Tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế nội sinh (nội hoá sự tăng trưởng) đã chỉ ra rằng động lực của sự tăng trưởng bền vững chính là con người. như chúng ta đã biết sự phát triển kinh tế ở Đông Á là sự phát triển có được nhờ “nguồn nhân lực chất lượng cao” và đầu tư vào vốn con người đã trở thành động lực cơ bản cho sự phát triển “Thần kỳ” ở các nền kinh tế Đông Á.

Nguồn nhân lực là một trong

các bộ phận trong các nguồn lực phát triển, trong đó, nguồn nhân lực (nguồn lực con người) là không có “giới hạn” hay “vô hạn”. Nguồn nhân lực - lực lượng lao động, là yếu tố đầu vào không thể thiếu của sự tăng trưởng kinh tế, nó tác động trực tiếp đến năng suất lao động. Lý luận và thực tiễn đều đã khẳng định khả năng sử dụng vốn một cách hiệu quả phụ thuộc vào trình độ, chất lượng nguồn nhân lực và chỉ có “đầu tư chất lượng cao” mới có thể thúc đẩy tăng trưởng, mà những nhân tố quyết định điều này chính là chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả quản lý đầu tư ... Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là đầu tư cho phát triển giáo dục - đào tạo, tăng quy mô và chất lượng giáo dục - đào tạo ở các cấp.

Mục tiêu của đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo là đào tạo đón đầu, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của người lao động, phát triển đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý có trình độ cao, nắm bắt được sự thay đổi nhanh chóng của kinh tế, chính trị và sự phát triển khoa học, công nghệ trên thế giới.

Tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo theo hướng: (i) Đầu tư để đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, phù hợp với thực tế VN; (ii) Đầu tư để nâng cao năng lực quản lý giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp và cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các cơ sở giáo dục đào tạo. Đầu tư hợp lý, có hiệu quả xây dựng một số

cơ sở giáo dục, đào tạo đạt trình độ khu vực và quốc tế; và (iii) Tăng cường đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề, kể cả tái đào tạo nghề, bán lành nghề, đáp ứng yêu cầu thị trường sức lao động trong nước và thế giới.

Tăng đầu tư cho giáo dục bằng nhiều nguồn khác nhau, trong đó cùng với đầu tư từ ngân sách, cần huy động nhiều hơn, tốt hơn sức dân qua xã hội hoá giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập và làm việc.

(3) Tăng cường đầu tư cho phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Nâng cao trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường sự đóng góp của các nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) là điều kiện để tăng trưởng kinh tế có hiệu quả và bền vững. Về vấn đề này:

- Nhà nước cần có chiến lược dài hạn về đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ theo hướng đầu tư có trọng điểm, trọng tâm tạo bước đột phá về một số công nghệ có tác động tích cực đến nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế và đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ.

- Tăng cường đầu tư phát triển các ngành, các lĩnh vực khoa học, công nghệ làm nền tảng cho nền kinh tế tri thức như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ môi trường ... Đẩy mạnh đầu tư cho nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ, phát triển hợp lý, đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ.

- Hình thành thị trường sản

phẩm khoa học, công nghệ và hỗ trợ thị trường này phát triển mạnh, hiệu quả.

- Một vấn đề mang tính chiến lược, vừa là giải pháp trước mắt cho việc tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ là chính sách thu hút FDI, FDI phải nhằm mục tiêu nâng cấp trình độ công nghệ của nền kinh tế. Do đó, phải quan tâm đến đầu tư tiếp thụ các công nghệ cao và kỹ năng thực hành ... hơn là đầu tư trực tiếp cho sản xuất (nhà xưởng, máy móc, tư liệu sản xuất ...).

Thứ ba, giảm tỉ trọng vốn nhà nước, tăng tỉ trọng vốn của khu vực ngoài nhà nước.

Tái cấu trúc cơ cấu đầu tư mà trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công, tức là phải giảm tỉ trọng vốn nhà nước. Trong giai đoạn 2011-2015, tỉ trọng vốn nhà nước sẽ giảm xuống mức 32-35%, khu vực vốn ngoài nhà nước sẽ tăng lên 45-46%. Điều này phù hợp với xu thế phát triển kinh tế thị trường: Nhà nước rút dần chức năng đầu tư trực tiếp, chuyên giao cho khu vực ngoài nhà nước. Hơn nữa nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước còn rất lớn, chiếm tỉ trọng cao nhất, nhất là vốn FDI; khi tư nhân bỏ vốn họ tính toán kỹ lưỡng, ít bị thất thoát, lãng phí, sử dụng có hiệu quả.

Để thực hiện tái cấu trúc cơ cấu đầu tư theo hướng trên cần: (i) Tạo sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước với các doanh nghiệp nhà nước trong kinh doanh, trong sử dụng đất đai, vốn và các nguồn lực khác, (ii) Đổi mới mạnh mẽ hơn vai trò của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, và (iii) Xây dựng và thực hiện các chính sách huy

động vốn hợp lý trong tình hình các luồng vốn trong nước, khu vực và thế giới có nhiều biến động: Huy động vốn thông qua phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đẩy mạnh huy động vốn của các trung gian tài chính, nhất là các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, cũng như vốn trong dân cư. Huy động vốn qua thị trường chứng khoán: mục tiêu đặt ra là phát triển và nâng cao hiệu hoạt động của thị trường chứng khoán để dần dần trở thành kênh chủ yếu huy động vốn dài hạn và có hiệu quả cho nền kinh tế.

Đối với nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Như đã nêu ở Bảng 1, tỉ lệ vốn đầu tư so với GDP chiếm tỉ trọng 6,1% trong năm 2005, năm 2008 là 13,0% và năm 2010: 10,8%. Trong những năm 2000, vốn FDI chiếm 18% tổng vốn đầu tư xã hội; năm 2008 là 25,5%, năm 2010: 12,6%, FDI đóng góp vào GDP năm 2000 là 11,4% thì đến năm 2010 tăng lên 16,18%; đóng góp lớn về kim ngạch xuất khẩu và giải quyết được nhiều việc làm ... Tuy nhiên, FDI chưa thực hiện được chuyển giao công nghệ, dòng FDI chủ yếu tập trung vào các dự án có công nghệ thấp, đầu tư quá nhiều vào bất động sản, khoảng chênh lệch lớn giữa FDI cam kết và FDI giải ngân (khoảng 57%), và hiện tượng chuyển giá đang gia tăng và rất phức tạp ... Vì vậy, trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của nguồn vốn FDI VN cần có giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI, bao gồm (i) Xây dựng chiến lược và quy hoạch thu hút FDI, trong đó xác định rõ ngành, lĩnh vực và địa bàn cần khuyến khích

thu hút FDI; (ii) Giảm đầu tư vào bất động sản, tăng đầu tư vào các dự án có công nghệ cao, biết từ chối các dự án FDI có công nghệ thấp và gây ô nhiễm môi trường, hướng tới thu hút FDI của các TNCs có công nghệ cao, tiềm lực tài chính mạnh ... và (iii) Nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, cải cách mạnh thủ tục hành chính đối với FDI.

Thực hiện sự chuyển đổi cơ cấu đầu tư theo 3 hướng trên đây đã bao hàm yếu tố nâng cao hiệu quả đầu tư. Tuy vậy, vẫn cần thiết phải đề cập đến nâng cao hiệu quả đầu tư của nền kinh tế.

2.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước

Vốn đầu tư là yếu tố vật chất trực tiếp quyết định tốc độ, mức tăng trưởng. Nhưng đối với chất lượng tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững thì hiệu quả đầu tư quan trọng hơn là lượng vốn đầu tư. Hiện tại và trong tương lai tỉ lệ vốn huy động đầu tư từ khu vực nhà nước vẫn còn lớn. Song, công tác quản lý vốn đầu tư và xây dựng từ nguồn vốn nhà nước vẫn còn nhiều yếu kém. Do đó, nâng cao hiệu quả đầu tư từ vốn nhà nước có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế. Có 3 vấn đề cần chú ý.

Một là, tăng cường và đổi mới công tác quản lý nhà nước về đầu tư: Tách chức năng quản lý nhà nước với quản lý kinh doanh trong xây dựng, người ra quyết định đầu tư không được kiêm nhiệm chủ đầu tư, thực hiện đấu thầu chọn tư vấn quản lý dự án, xây dựng và ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn làm chủ đầu tư, ban quản lý dự án, tăng cường chức năng tư vấn giám sát

độc lập trong quá trình thực hiện dự án nhất là các dự án lớn.

Hai là, đổi mới quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng (bao gồm nâng cao năng lực và trách nhiệm của các tổ chức tư vấn trong tất cả các khâu đầu tư, rà soát, xây dựng, bổ sung định mức, đơn vị xây dựng; tăng cường quản lý, giám sát các chủ đầu tư, xác nhà thầu thi công, các ban quản lý dự án ở tất cả các ngành, các cấp; xử lý nghiêm khắc những hành vi vi phạm các quy định về quản lý xây dựng, quy định rõ trách nhiệm cá nhân, đơn vị liên quan đến chất lượng công trình, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra chất lượng thi công ...

Ba là, nâng cao ý thức trách nhiệm và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ công chức làm việc trong lĩnh vực đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn nhà nước. Kết hợp chặt chẽ giữa công khai dân chủ ở cơ sở với kiểm tra, thanh tra, giám sát của cả hệ thống chính trị, của các cơ quan quản lý và của nhân dân. đồng thời thực thi các chế tài đủ mạnh để đẩy lùi thất thoát lãng phí và tham nhũng trong đầu tư xây dựng ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

GS.TS. Chu Văn Cấp (2011), "Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế VN theo tinh thần Đại hội XI của Đảng", Tạp chí *Cộng sản*, số 826, tháng 8-2011.

GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn (CB, 2011), *Kinh tế VN năm 2010: Nhìn lại mô hình tăng trưởng giai đoạn 2001-2010*, NXB ĐHKQTĐ, HN.

PGS.TS Trần Thọ Đạt (2010), *Tăng trưởng kinh tế thời kỳ đổi mới ở VN* (STK), NXB ĐHKQTĐ, HN.

Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng, NXB CTQG, H.2011.